

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ5 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302203 - D t ấ n c ầ ng tr ầ h H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ầ T c N		NG ầ Y SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấI M THI	QUY TS : 70%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010588	35CCĐ5	Tr ầ ng C ầ ng	Anh	07/08/1992	9.0	9.0					9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	N HP
2	3571010593	35CCĐ5	ấ ầ Quang	B ầ nh	01/05/1993	6.0	7.0					6.5	2.0	6.8	4.8	6.7	
3	3571010505	35CCĐ5	Nguy n ấ nh	Chung	11/09/1992	7.0	7.0					7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	N HP
4	3571010932	35CCĐ5	H T ầ n	Đ ầ g	24/10/1993	9.0	9.0					9.0	2.7	8.0	5.6	8.3	
5	3571010578	35CCĐ5	Tr n T n	ấ t	07/02/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
6	3571010524	35CCĐ5	Nguy n H i	ấ ầ g	27/01/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
7	3571010591	35CCĐ5	Phan Th ầ ng	ấ ầ g	25/02/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
8	3571010618	35CCĐ5	Tr n V ầ n	ấ c	09/11/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	9.5	6.7	9.1	N HP
9	3571011214	35CCĐ5	D ầ ng Ng ầ n	Giang	27/12/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
10	3471010112	34CCD7	V ầ Huy	H i	28/10/1992	7.0	5.0					6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
11	3571010532	35CCĐ5	Tr n Nguy n H u	H o	15/10/1993	9.0	9.0					9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
12	3571010614	35CCĐ5	B ầ i Ng c	Ho ầ ng	12/12/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	9.0	6.3	8.6	
13	3571011185	35CCĐ5	Tr n V ầ n	H ầ n	16/07/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	N HP
14	3571011206	35CCĐ5	Tri u V ầ n	H u	25/03/1992	5.0	6.0					5.5	1.7	2.0	1.4	3.1	N HP
15	3571011173	35CCĐ5	Nguy n Phi	Kh ầ ng	22/05/1993	8.0	6.0					7.0	2.1	5.8	4.1	6.2	
16	3571011203	35CCĐ5	V ầ Th	Kh ầ ng	07/03/1992	4.0	6.0					5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
17	3571010492	35CCĐ5	Tr n Thanh	Li ầ m	09/08/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	9.0	6.3	8.6	
18	3571011187	35CCĐ5	Phan V ầ n	L c	04/03/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
19	3571011054	35CCĐ5	Nguy n Vi t	Nghi ầ m	03/05/1993	6.0	5.0					5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ5 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302203 - D ấ o ấ n c ấ ng tr ấ h H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010624	35CCĐ5	Ph m V ấ	Ngh ấ	02/03/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	N HP
21	3571010931	35CCĐ5	V ấ ấ nh	Nguyễn	19/05/1992	6.0	5.0					5.5	1.7	6.5	4.6	6.2	N HP
22	3571011002	35CCĐ5	L ² Qu c	Nh t	10/01/1991	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
23	3571011184	35CCĐ5	L ² H ng	Phong	20/09/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	9.5	6.7	8.9	
24	3571011613	35CCĐ5	L u Thanh	Phong	01/01/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	N HP
25	3571011026	35CCĐ5	Nguy n Thanh	Phong	06/08/1993	7.0	5.0					6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
26	3571010539	35CCĐ5	Tiêu Thanh	Sang	13/10/1993	9.0	9.0					9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	
27	3571011207	35CCĐ5	Nguy n Th	Tài	30/08/1993	8.0	9.0					8.5	2.6	2.0	1.4	4.0	N HP
28	3571010463	35CCĐ5	Nguy n ấ c	Tâm	14/09/1993	8.0	9.0					8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	N HP
29	3571010622	35CCĐ5	L ấ ấ c	Ti n	24/09/1992	7.0	7.0					7.0	2.1	9.5	6.7	8.8	
30	3571011177	35CCĐ5	Nguy n	Ti n	02/02/1993	7.0	6.0					6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	
31	3571010552	35CCĐ5	Nguy n Trung	Thành	18/07/1992	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
32	3571010495	35CCĐ5	Nguy n Kim	Thân	22/06/1992	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
33	3471010309	35CCĐ5	Nguy n Ho ấ ng	Thiên	14/03/1992	7.0	8.0					7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	N HP
34	3571010520	35CCĐ5	Thái Do ấ n	Thông	14/09/1993	7.0	8.0					7.5	2.3	2.0	1.4	3.7	N HP
35	3571011350	35CCĐ5	Nguy n	Tri u	11/01/1993	8.0	8.0					8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	N HP
36	3571010574	35CCĐ5	ấ Minh	Trí	06/02/1993	0.0	0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
37	3571011153	35CCĐ5	Lê Thanh	Tr ng	23/02/1993	7.0	7.0					7.0	2.1	9.0	6.3	8.4	
38	3571011022	35CCĐ5	Nguy n V ấ	Tr ng	14/12/1992	9.0	9.0					9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ5 N h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 132017302203 - D to n c ờng trnh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571011204	35CCĐ5	Mai Xuân VIO	29/05/1993	8.0	7.0					7.5	2.3	9.5	6.7	8.9	

T ng s : 39 h c sinh sinh v i n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi o V i n B M n

Gi o V Khoa